

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
Điều chỉnh theo KQKT của KTNN KV XIII

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5,356,297,742,747	4,884,456,561,029
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	VI.1	1,049,545,253,878	413,171,077,701
111	1 Tiền		156,712,846,177	174,596,697,611
112	2 Các khoản tương đương tiền		892,832,407,701	238,574,380,090
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1,647,326,176,054	1,650,154,418,882
121	1 Chứng khoán kinh doanh		1,055,000,000	1,055,000,000
122	2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
123	3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1,646,271,176,054	1,649,099,418,882
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	VI.2	601,041,963,004	580,459,569,682
131	1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng		491,620,249,334	440,966,258,442
132	2 Trả trước cho người bán ngắn hạn		110,765,727,296	131,954,985,646
133	3 Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5 Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	6 Phải thu ngắn hạn khác		101,799,146,361	70,488,422,115
137	7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(154,037,997,722)	(116,227,869,790)
139	8 Tài sản thiếu chờ xử lý		50,894,837,735	53,277,773,269
140	IV. Hàng tồn kho	VI.3	1,884,719,356,583	2,206,649,773,554
141	1 Hàng tồn kho		1,885,340,281,395	2,208,726,231,811
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(620,924,812)	(2,076,458,257)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		173,664,993,228	34,021,721,210
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		6,463,442,902	3,755,391,836
152	2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3,587,386,306	4,236,464,608
153	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	VI.9	163,580,482,015	25,539,110,176
154	4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5 Tài sản ngắn hạn khác		33,682,005	490,754,590
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2,229,889,093,679	2,703,319,251,352
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		30,705,661,539	26,094,496,761
211	1 Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2 Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213	3 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	4 Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	5 Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	6 Phải thu dài hạn khác		30,705,661,539	26,094,496,761
219	7 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-

220	II. Tài sản cố định		911,878,622,572	963,077,591,355
221	1. Tài sản cố định hữu hình	VI.4	863,990,443,852	911,434,452,292
222	- Nguyên giá		2,198,960,468,725	2,136,738,317,621
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,334,970,024,873)	(1,225,303,865,329)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	VI.6	18,689,650,911	19,494,421,646
225	- Nguyên giá		35,235,817,028	29,390,578,850
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16,546,166,117)	(9,896,157,204)
227	3. Tài sản cố định vô hình	VI.5	29,198,527,809	32,148,717,417
228	- Nguyên giá		43,025,627,140	44,741,674,640
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13,827,099,331)	(12,592,957,223)
230	III. Bất động sản đầu tư	VI.7	47,945,972,829	50,488,253,853
231	- Nguyên giá		60,958,807,557	61,381,231,557
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13,012,834,728)	(10,892,977,704)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		376,025,004,256	202,825,936,065
241	1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		376,025,004,256	202,825,936,065
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		536,144,589,724	1,116,419,944,590
251	1 Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	VI.8	411,586,457,594	908,505,455,522
253	3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		120,295,891,331	199,529,250,000
254	4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6,401,326,716)	(3,592,463,845)
255	5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10,663,567,515	11,977,702,913
260	VI. Tài sản dài hạn khác		327,189,242,759	344,413,028,728
261	1 Chi phí trả trước dài hạn		324,545,038,119	337,388,132,249
262	2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2,129,150,711	6,201,705,189
263	3 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		415,053,929	
268	4 Tài sản dài hạn khác		100,000,000	823,191,290
269	5 Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7,586,186,836,426	7,587,775,812,381

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3,238,582,050,457	3,778,139,263,637
310	I. Nợ ngắn hạn		3,134,979,123,424	3,646,718,249,379
311	1 Phải trả người bán ngắn hạn	VI.11	379,817,196,875	310,702,213,183
312	2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn		32,592,442,490	22,497,406,555
313	3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	VI.9	312,714,664,586	264,142,216,760
314	4 Phải trả người lao động		159,966,711,289	131,590,354,991
315	5 Chi phí phải trả ngắn hạn		19,323,894,195	32,403,849,013
316	6 Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2,678,980,994	35,738,462,548
319	9 Phải trả ngắn hạn khác		236,493,579,942	117,488,556,822
320	10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	VI.10	1,816,722,363,221	2,583,756,885,158
321	11 Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		174,669,289,832	148,398,304,349
323	13 Quỹ bình ổn giá		-	-
324	14 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn		103,602,927,033	131,421,014,258
331	1 Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2 Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	3 Chi phí phải trả dài hạn		-	-
334	4 Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	5 Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		8,661,048,844	7,681,902,152
337	7 Phải trả dài hạn khác		8,471,248,218	17,912,301,814
338	8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		59,318,913,989	80,296,274,472
339	9 Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	10 Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		15,268,105,572	21,839,650,610
342	12 Dự phòng phải trả dài hạn		10,442,725,200	-
343	13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1,440,885,210	3,690,885,210
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4,347,604,785,969	3,809,636,548,744
410	I. Vốn chủ sở hữu	VI.12	4,344,665,716,193	3,808,456,850,946
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2,544,825,684,147	2,202,005,184,164
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		43,664,071,318	310,229,524
413	3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4 Vốn khác của chủ sở hữu		40,178,259,045	44,281,954,782
415	5 Cổ phiếu quỹ		(551,056,243)	(574,643,829)
416	6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-

418	8	Quỹ đầu tư phát triển	608,047,535,745	311,026,840,798
419	9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	176,772,262,270	14,335,983,171
420	10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
421	11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	319,997,532,440	772,694,290,679
422	12	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
429	13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	611,731,427,472	464,377,011,657
430	II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	2,939,069,776	1,179,697,798
431	1	Nguồn kinh phí	1,049,069,776	1,179,697,798
432	2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	1,890,000,000	-
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	7,586,186,836,426	7,587,775,812,381

Người lập

Trương Nguyễn Ngọc Hòa

Kế toán trưởng

Trần Hữu Đức

Đồng Nai, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.13	6,880,756,895,063	6,991,607,893,351
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		2,134,238,611	2,333,537,328
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		6,878,622,656,452	6,989,274,356,023
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.14	5,564,595,137,495	5,811,611,369,065
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,314,027,518,957	1,177,662,986,958
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.15	1,055,939,434,804	315,635,071,903
22	7. Chi phí tài chính	VI.16	227,212,433,464	158,181,915,903
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		152,629,651,488	143,392,421,842
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(10,919,165,515)	45,643,863,828
25	9. Chi phí bán hàng		375,374,558,676	356,700,754,174
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		436,582,754,374	440,044,829,848
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1,319,878,041,732	584,014,422,764
31	12. Thu nhập khác	VI.17	88,562,193,771	64,005,240,904
32	13. Chi phí khác	VI.18	15,200,282,369	27,585,231,420
40	14. Lợi nhuận khác		73,361,911,402	36,420,009,484
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1,393,239,953,134	620,434,432,248
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		219,520,603,937	103,261,668,934
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		6,285,477,440	1,948,944,192
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1,167,433,871,757	515,223,819,122
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		960,930,431,535	423,418,250,305
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		206,503,440,222	91,805,568,817

Đồng Nai, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người lập

Trương Nguyễn Ngọc Hòa

Kế toán trưởng

Trần Hữu Đức

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1,393,239,953,134	620,434,432,248
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		151,874,335,214	134,350,327,587
03	- Các khoản dự phòng		(2,007,288,372)	41,294,902,143
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		517,514,157	2,356,368,038
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(832,814,840,532)	(368,415,874,342)
06	- Chi phí lãi vay		152,629,651,488	143,392,421,842
07	- Các khoản điều chỉnh khác			-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		863,439,325,089	573,412,577,516
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(185,933,040,874)	(58,415,028,265)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		319,531,647,108	(123,414,222,099)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		96,275,146,520	59,191,439,009
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		11,466,427,834	(23,493,909,453)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(165,559,983,144)	(52,980,226,178)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(282,435,805,195)	(129,119,954,036)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		80,313,769,378	50,089,201,545
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(66,040,296,766)	(155,750,510,652)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		671,057,189,950	139,519,367,387
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(270,234,858,970)	(190,312,699,058)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		8,867,692,135	16,562,065,040
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1,989,999,000,000)	(1,459,819,514,921)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2,156,446,039,856	1,060,494,975,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(5,253,500,000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		800,110,883,306	24,229,500,000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		306,075,314,425	314,272,609,249
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1,011,266,070,752	(239,826,564,690)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		284,642,295,987	115,416,197,085
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
33	2. Tiền thu từ đi vay		13,971,063,611,848	10,825,983,651,173
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(14,862,931,391,628)	(10,518,123,383,731)
35	4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(79,823,140,463)	(1,958,297,971)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(358,935,103,308)	(186,283,335,184)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1,045,983,727,564)	235,034,831,372
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		636,339,533,138	134,727,634,069
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		413,171,077,701	278,487,767,398
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		34,643,039	(44,323,766)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		<u>1,049,545,253,878</u>	<u>413,171,077,701</u>

Đồng Nai, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người lập

Trương Nguyễn Ngọc Hòa

Kế toán trưởng

Trần Hữu Đức

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Hiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai và các công ty con (gọi chung là Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con) và lợi ích của Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con tại các công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai là công ty do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 1650/QĐ- UBND của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 28 tháng 06 năm 2010 về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo mô hình công ty mẹ công ty con và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600253505, do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01 tháng 07 năm 2010. Chủ sở hữu của Tổng Công ty là Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 4.500 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 833A, Xa lộ Hà Nội, KP1, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Theo các Quyết định số 2339/QĐ-UBND, ngày 29/06/2005; 2484/QĐ-UBND, ngày 07/07/2005 và 2485/QĐ-UBND, ngày 07/07/2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai; và Quyết định số 3935/QĐ – UBND ngày 24/11/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai, Tổng Công ty được chuyển giao các công ty con sau:

- Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
- Công ty TNHH Một thành viên Cao su công nghiệp
- Công ty TNHH Một thành viên Thọ vực
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
- Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn
- Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
- Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Biên Hòa
- Công ty Cổ phần Tổng hợp gỗ Tân Mai
- Công ty Cổ phần Lothamilk
- Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đồng Nai

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI
Số 833A Xa lộ Hà Nội Khu phố 1 – Long Bình Tân – Biên Hòa – Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngày 05/02/2010 Hội đồng quản trị Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai ra Quyết định số 24/QĐ- HĐQT thành lập Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển Bửu Long.

Công ty con gián tiếp bao gồm:

- Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai, vốn Nhà nước chiếm 65,95% thông qua công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển Bửu Long.
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai, vốn Nhà nước chiếm 51% thông qua công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển Bửu Long.
- Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông, vốn Nhà nước chiếm 54,47% thông qua các công ty con:
 - + Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đồng Nai
 - + Công ty Cổ phần Du Lịch Đồng Nai
 - + Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai
 - + Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng & Chất đốt Đồng Nai
- Công ty CP Phát triển Đô thị Tam Phước, vốn Nhà nước chiếm 72,72% thông qua các công ty con:
 - + Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
 - + Công ty TNHH Một thành viên Cao su công nghiệp
 - + Công ty Cổ phần Tổng hợp gỗ Tân Mai
 - + Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
 - + Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai
- Công ty CP Đầu tư & QLý khu liên hợp công nông nghiệp Đồng Nai, vốn Nhà nước chiếm 77,08% thông qua các công ty con:
 - + Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn
 - + Công ty TNHH Một thành viên Cao su công nghiệp
 - + Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai
 - + Công ty TNHH Một thành viên Thọ vực
 - + Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai
 - + Công ty Cổ phần Tổng hợp gỗ Tân Mai
 - + Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đồng Nai

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh :

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh và cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà cửa. Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu nông nghiệp kỹ thuật cao, hạ tầng khu dân cư. Kinh doanh bất động sản.

Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo: Bán buôn thuốc lá điếu các loại.

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế cho sản xuất thuốc lá.

Trồng cây mía

Trồng cây ăn quả

Trồng cây lâu năm khác

Nuôi trồng thủy sản nội địa

Hoạt động dịch vụ trồng trọt

Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thực phẩm khác. Sản xuất chế biến thực phẩm đóng gói, đóng hộp.

Bán buôn thực phẩm: Bán buôn sữa tươi, bánh kẹo, các sản phẩm được chế biến từ sữa và các loại thực phẩm khác; thực phẩm tươi sống, thực phẩm chế biến, thực phẩm công nghệ; thủy sản; trứng gia cầm.

Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn hàng hoá tiêu dùng cá nhân và gia đình (trừ thuốc và vật tư y tế)

Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại: Sản xuất phân hữu cơ

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: Bán buôn thuốc lá lá nguyên liệu cho sản xuất thuốc lá điếu; Nhập khẩu trực tiếp nguyên liệu cho sản xuất thuốc lá; Bán buôn con giống bò sữa, bò thịt và các loại gia súc, gia cầm khác. Bán buôn cây giống, cây xanh công trình, cây kiểng, hoa, cỏ các loại. Bán buôn nông sản (đối với hạt điều và bông vải phải thực hiện theo quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ). Bán buôn gia súc, gia cầm.

Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt: Giết mổ gia cầm, gia súc. Chế biến thịt gia súc, gia cầm đóng gói và đóng hộp.

Nuôi trồng thủy sản biển

Sản xuất sản phẩm thuốc lá: Sản xuất thuốc lá điếu các loại

Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì: Sản xuất các loại bao bì cho sản xuất thuốc lá

Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất vật tư phụ liệu cho sản xuất thuốc lá

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê tài sản (trừ bất động sản)

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ cung ứng phân bón, thuốc trừ sâu. Bán buôn phân bón; phân bón vi sinh, phân hữu cơ; các loại bao bì, vật tư phụ liệu cho sản xuất thuốc lá.

Chăn nuôi trâu, bò: Chăn nuôi trâu, bò. Chăn nuôi, sản xuất con giống bò sữa, bò thịt (không hoạt động tại trụ sở)

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI
Số 833A Xa lộ Hà Nội Khu phố 1 – Long Bình Tân – Biên Hòa – Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chăn nuôi gia cầm: Chăn nuôi gà, vịt. Chăn nuôi, sản xuất con giống gia cầm (không hoạt động tại trụ sở)

Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu

Trồng cây thuốc lá, thuốc lào: Đầu tư trồng trọt thuốc lá lá nguyên liệu cho sản xuất thuốc lá điếu

Trồng cây lấy củ có chất bột

Chăn nuôi lợn

Hoạt động dịch vụ chăn nuôi

Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh: Trồng cây xanh, cây kiểng, hoa, cỏ các loại

Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp

Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ: Sản xuất phân bón vi sinh

Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch

Hoạt động quỹ tín khác, các quỹ và các tổ chức tài chính khác: Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác

Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác

Trồng cây lấy sợi

Trồng cây có hạt chứa dầu

Trồng cây hàng năm khác

Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản

In ấn

Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa: Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa. Sản xuất sữa tươi, các sản phẩm được chế biến từ sữa

Sản xuất các loại bánh từ bột: Sản xuất bánh và các loại thực phẩm khác

Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo: Sản xuất kẹo và các loại thực phẩm khác

Trồng rừng và chăm sóc rừng: Ươm giống cây lâm nghiệp

Bán buôn gạo: Bán buôn lương thực

Bán buôn đồ uống

Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn xăng, dầu, nhớt

Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ xăng, dầu, nhớt

Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI
Số 833A Xa lộ Hà Nội Khu phố 1 – Long Bình Tân – Biên Hòa – Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trồng lúa

Trồng cây điều

Trồng cây cà phê

Trồng cây gia vị, cây dược liệu

Xử lý hạt giống để nhân giống

Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề

Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại

Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh

Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí

Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan

Hoạt động bảo tồn, bảo tàng

Quảng cáo

4. Tổng số các công ty con: 11 công ty con trực tiếp và 06 công ty con gián tiếp

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 11 công con trực tiếp và 06 công ty con gián tiếp

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty CP Xuất nhập khẩu Đồng Nai	73 – 75 Đường 30/04 – BH – ĐN	78,44%	78,44%
Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai	Đường 1 KCN Biên Hòa 1	72,95%	73,11%
Công ty CP Nông sản Đồng Nai	238 QL 1 – BH – ĐN	84,32%	84,32%
Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn	101 – Bắc Sơn – Trảng Bom – ĐN	73,56%	73,56%
Công ty CP Bao bì Biên Hòa	Đường 7 – KCN Biên Hòa 1	53,72%	53,72%
Công ty CP Vật liệu xây dựng & chất đốt Đồng Nai	255B – QL 15 – Tân Mai – BH	51,00%	51,00%
Công ty CP Du lịch Đồng Nai	105 QL1 – BH – ĐN	65,95%	65,95%
Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai	Thống Nhất – BH – ĐN	70,13%	70,13%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Số 833A Xa lộ Hà Nội Khu phố 1 – Long Bình Tân – Biên Hòa – Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	01A – Xa lộ Hà Nội – BH – ĐN	53,66%	92,00%
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đồng Nai	75A-Hà Huy Giáp – BH – ĐN	55,83%	57,11%
Công ty CP ĐT&QLKLH Công nông nghiệp ĐN	23-Đường 3A-KCN Biên Hòa 2	77,08%	99,11%
Công ty CP Phát triển Đô thị Tam Phước	23(khu C)-Đường 3A-KCN Biên Hòa 2	72,72%	100%
Công ty CP Xây dựng & SX VLXD Biên Hòa	K4/79 C – Tân Bàn – BH – ĐN	70,39%	70,39%
Công ty TNHH 1TV Cao su công nghiệp	QL 1 - Cẩm Tân – Xuân Tân – Long Khánh	100%	100%
Công ty TNHH 1TV Thọ Vực	Xuân Bắc – Xuân Lộc – ĐN	100%	100%
Cty CP Lothamilk	Km 14- QL 51- Tam Phước-BH-ĐN	57,85%	57,85%
Cty TNHH 1TV Đầu tư và phát triển Bửu Long	KP4-Bửu Long-BH-ĐN	100%	100%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Quốc tế Bourbon	Long Bình Tân – BH – ĐN	35%	35%
Công ty TNHH Bochang Donatours	Trảng Bom – ĐN	25%	25%
Công ty CP Thương Mại Long Thành	Long Thành - ĐN	30%	30%
Công ty CP Khách sạn Vĩnh An	107 QL 1 – Quyết Thắng – BH – ĐN	24,03%	36,87%
Công ty CP Bóng đá Đồng Nai	Đồng Khởi – Tân Hiệp – BH – ĐN	25%	25%
Công ty TNHH Hòa Bình Minh	20A/1 – Nguyễn Ái Quốc – BH – ĐN	25,11%	45%
Công ty TNHH TM DV Siêu Thị Co.opMart Biên Hòa	121 P. Tân Tiên – BH – ĐN	40%	40%
Công ty CP Đồng Việt Thành	Áp 7, xã An Phước- Long Thành - ĐN	25%	25%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI
Số 833A Xa lộ Hà Nội Khu phố 1 – Long Bình Tân – Biên Hòa – Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Danh sách các công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Lý do</i>
Công ty Cổ phần phát triển nhà Bình Đa	Chưa có báo cáo vào ngày lập báo cáo
Công ty Cổ phần Chăn nuôi bò và Chế Biến Sữa Đồng Nai	Chưa có báo cáo vào ngày lập báo cáo
Công ty TNHH Nông nghiệp Đồng Nai- VinEco	Chưa có báo cáo vào ngày lập báo cáo
Công ty TNHH Anh Nhật Ánh Dương	Chưa có báo cáo vào ngày lập báo cáo

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

2. Hình thức kế toán áp dụng

Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con sử dụng hình thức Nhật ký chứng từ (Công ty Mẹ). Còn các công ty con, tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh mỗi đơn vị, có hình thức kế toán riêng

<i>Tên công ty</i>	<i>Hình thức</i>
Công ty CP Xuất nhập khẩu Đồng Nai	Nhật ký chứng từ
Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai	Nhật ký chung
Công ty CP Xây dựng & SX VLXD Biên Hòa	Chứng từ ghi sổ
Công ty TNHH 1TV Cao su công nghiệp	Nhật ký chung
Công ty TNHH 1TV Thọ Vực	Nhật ký chung
Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai	Nhật ký chứng từ
Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn	Nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI
Số 833A Xa lộ Hà Nội Khu phố 1 – Long Bình Tân – Biên Hòa – Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty CP Bao bì Biên Hòa	Chứng từ ghi sổ
Công ty CP Vật liệu xây dựng & chất đốt Đồng Nai	Nhật ký chung
Công ty CP Du lịch Đồng Nai	Nhật ký chứng từ
Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai	Chứng từ ghi sổ
Công ty CP SXTM Dịch vụ Đồng Nai	Nhật ký chung
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	Chứng từ ghi sổ
Công ty CP ĐT&QLKLH Công nông nghiệp ĐN	Nhật ký chứng từ
Công ty CP Phát triển Đô thị Tam Phước	Nhật ký chung

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con, được trình bày phù hợp với Hệ thống Kế toán và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”) do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Các công ty liên kết

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh ở Công ty mẹ & bình quân gia quyền ở công ty trực thuộc và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Ở các công ty con:

<i>Tên công ty</i>	<i>Phương pháp đánh giá</i>	<i>Phương pháp hạch toán</i>
Công ty CP Xuất nhập khẩu Đồng Nai	Thực tế đích danh	Kê khai thường xuyên
Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai	Bình quân gia quyền	Kê khai thường xuyên
Công ty TNHH MTV Xây dựng & SX VLXD Biên Hòa	Bình quân gia quyền	Kê khai thường xuyên

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Số 833A Xa lộ Hà Nội Khu phố 1 – Long Bình Tân – Biên Hòa – Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty CP Nông sản Đồng Nai	Bình quân gia quyền	Kê khai thường xuyên
Công ty CP chăn nuôi Phú Sơn	Bình quân gia quyền	Kê khai thường xuyên
Công ty CP bao bì Biên Hòa	Bình quân gia quyền	Kê khai thường xuyên
Công ty CP Vật liệu xây dựng & chất đốt Đồng Nai	Bình quân gia quyền	Kê khai thường xuyên
Công ty CP Du lịch Đồng Nai	Thực tế đích danh	Kê khai thường xuyên
Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai	Bình quân gia quyền	Kê khai thường xuyên
Công ty CP SXTM Dịch vụ Đồng Nai	Bình quân gia quyền	Kê khai thường xuyên
Công ty TNHH1TV Cao su công nghiệp	Bình quân gia quyền	Kê khai thường xuyên
Công ty TNHH1TV Thọ Vực	Bình quân gia quyền	Kê khai thường xuyên
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	Bình quân gia quyền	Kê khai thường xuyên
Công ty CP ĐT&QLKLH Công nông nghiệp ĐN	Bình quân gia quyền	Kê khai thường xuyên
Công ty CP Phát triển Đô thị Tam Phước	Bình quân gia quyền	Kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Số 833A Xa lộ Hà Nội Khu phố 1 – Long Bình Tân – Biên Hòa – Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc và thiết bị	2 - 30
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 25

7. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

8. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 25 -50 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 - 6 năm.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Lợi ích của Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con trong những hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất bằng cách phân bổ phần của Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con trong tài sản, công nợ, thu nhập và chi phí vào những khoản mục tương ứng.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh, liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết sau khi mua.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong thời gian không quá 10 năm

12. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

13. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

<i>Tên công ty</i>	<i>Thuế suất (%)</i>	<i>Ghi chú</i>
Công ty Mẹ	22	
Công ty CP Xuất nhập khẩu Đồng Nai	22	

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI
 Số 833A Xa lộ Hà Nội Khu phố 1 – Long Bình Tân – Biên Hòa – Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai	22	
Công ty CP Xây dựng & SX VLXD Biên Hòa	22	
Công ty CP Nông sản Đồng Nai	22	
Công ty CP chăn nuôi Phú Sơn	22	
Công ty CP bao bì Biên Hòa	15	Được miễn 3 năm, giảm 50% 7 năm tiếp theo với thuế suất ưu đãi là 15% trong 12 năm, đến năm 2017 hết ưu đãi.
Công ty CP Vật liệu xây dựng & chất đốt Đồng Nai	22	
Công ty CP Du lịch Đồng Nai	22	
Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai	22	
Công ty CP SXTM Dịch vụ Đồng Nai	22	
Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp	22	
Công ty TNHH MTV Thọ Vực	22	
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	22	
Công ty CP ĐT&QLKLH Công nông nghiệp ĐN	22	
Công ty CP Phát triển Đô thị Tam Phước	22	

15. Cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Trong trường hợp các khoản vay và nợ phải trả có gốc ngoại tệ đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng việc sử dụng công cụ

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Số 833A Xa lộ Hà Nội Khu phố 1 – Long Bình Tân – Biên Hòa – Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tài chính thì các khoản vay, nợ phải trả này được hạch toán theo tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh và không đánh giá lại theo tỷ giá cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	8,178,263,238	10,922,844,219
Tiền gửi ngân hàng	148,534,582,939	160,950,141,503
Tiền đang chuyển	0	2,723,711,889
Các khoản tương đương tiền	892,832,407,701	238,574,380,090
Cộng	<u>1,049,545,253,878</u>	<u>413,171,077,701</u>

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI
Số 833A Xa lộ Hà Nội Khu phố 1 – Long Bình Tân – Biên Hòa – Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	491,620,249,334	440,966,258,442
Trả trước cho người bán ngắn hạn	110,765,727,296	131,954,985,646
Phải thu ngắn hạn khác	101,799,146,361	70,488,422,115
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(154,037,997,722)	(116,227,869,790)
Tài sản thiếu chờ xử lý	50,894,837,735	53,277,773,269
Giá trị thuần của phải thu	<u>601,041,963,004</u>	<u>580,459,569,682</u>

3. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	14,501,721,808		20,572,207,238	
- Nguyên vật liệu	1,614,660,895,528		1,952,109,300,024	
- Công cụ dụng cụ	61,367,695,658		4,981,267,239	
- Chi phí SXKD dở dang	44,997,894,485		74,556,547,992	
- Thành phẩm	84,395,449,695	(388,333,828)	98,650,044,017	(1,500,881,572)
- Hàng hóa	63,346,932,777	(232,590,984)	56,325,468,500	(575,576,685)
- Hàng gửi đi bán	1,825,691,444		1,531,396,801	
- Hàng hóa kho bảo thuế	-		-	
- Hàng hóa bất động sản	244,000,000		-	
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>1,885,340,281,395</u>		<u>2,208,726,231,811</u>	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(620,924,812)		(2,076,458,257)	
Giá trị thuần có thể thực hiện được	1,884,719,356,583		2,206,649,773,554	

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI
 Số 833A Xa lộ Hà Nội Khu phố 1 – Long Bình Tân – Biên Hòa – Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. Tài sản cố định hữu hình.

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	765,251,797,431	1,101,991,928,449	187,655,257,918	24,852,980,874	56,986,352,949	2,136,738,317,621
Tăng trong năm	63,696,374,096	45,755,027,485	14,755,113,703	2,596,439,277	6,191,023,003	132,993,977,564
Giảm trong năm	28,439,907,293	27,563,398,341	10,105,207,402	1,075,773,930	3,587,539,494	70,771,826,460
Số dư cuối năm	<u>800,508,264,234</u>	<u>1,120,183,557,593</u>	<u>192,305,164,219</u>	<u>26,373,646,221</u>	<u>59,589,836,458</u>	<u>2,198,960,468,725</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	336,105,256,533	729,374,707,535	119,836,557,478	16,799,845,757	23,187,498,026	1,225,303,865,329
Tăng trong năm	54,144,933,537	76,439,131,612	18,379,271,959	3,149,936,876	3,214,806,742	155,328,080,726
Giảm trong năm	17,007,450,808	15,749,933,383	8,924,524,627	1,019,187,120	2,960,825,244	45,661,921,182
Số dư cuối năm	<u>373,242,739,262</u>	<u>790,063,905,764</u>	<u>129,291,304,810</u>	<u>18,930,595,513</u>	<u>23,441,479,524</u>	<u>1,334,970,024,873</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	429,146,540,898	372,617,220,914	67,818,700,440	8,053,135,117	33,798,854,924	911,434,452,292
Tại ngày cuối năm	<u>393,250,623,356</u>	<u>330,119,651,829</u>	<u>45,164,810,155</u>	<u>5,404,676,468</u>	<u>30,226,706,448</u>	<u>863,990,443,852</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Số 833A Xa lộ Hà Nội Khu phố 1 – Long Bình Tân – Biên Hòa – Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Tài sản cố định vô hình

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>TSCĐ VH khác</i>	<i>Cộng</i>
Nguyên giá				
Số đầu năm	38.743.975.491	5.004.125.760	287.687.889	44.741.674.640
Mua trong năm	-	105.000.000	-	105.000.000
Tặng khác	-	-	-	-
Giảm trong năm	1.821.047.500	-	-	1.821.047.500
Số cuối năm	36.922.927.991	5.109.125.760	287.687.889	43.025.627.140
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	7.654.979.495	4.326.655.738	287.687.889	12.592.957.223
Khấu hao trong năm	823.205.221	276.459.787	-	1.234.142.108
Tặng khác	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	8.478.184.716	4.603.115.525	287.687.889	13.827.099.331
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	31.088.995.996	677.470.022	-	32.148.717.417
Số cuối năm	28.444.743.275	506.010.235	-	29.198.527.809

6. Tài sản thuê tài chính

Là tài sản thuê tài chính (Máy móc thiết bị) của Công ty CP Bao bì Biên Hòa.

7. Bất động sản đầu tư

	<i>Gỗ Tân Mai</i>	<i>SXTMDV</i>	<i>Cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	59,904,167,487	1,477,064,070	61,381,231,557
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	422,424,000	-	422,424,000
Số cuối năm	59,481,743,487	1,477,064,070	60,958,807,557
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	9,802,504,046	1,090,473,658	10,892,977,704
Khấu hao trong năm	2,421,833,856	66,631,176	2,488,465,032
Tặng khác	-	-	-
Giảm trong năm	368,608,008	-	368,608,008
Số cuối năm	11,855,729,894	1,157,104,834	13,012,834,728
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	50,101,663,441	386,590,412	50,488,253,853
Số cuối năm	47,626,013,593	319,959,236	47,945,972,829

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI
Số 833A Xa lộ Hà Nội Khu phố 1 – Long Bình Tân – Biên Hòa – Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	411,586,457,594	908,505,455,522
- Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành	6,454,766,696	3,973,378,242
- Công ty Cổ phần Bông đá Đồng Nai		-
- Công ty Cổ phần Đồng Việt Thành	14,745,615,353	23,881,420,985
- Công ty TNHH TM Dịch vụ Quốc tế Big C Đồng Nai	187,840,635,232	155,732,040,258
- Công ty TNHH Bochang - Donatours	59,541,667,219	58,521,889,217
- Công ty Cổ phần phát triển nhà Bình Đa	22,035,000,000	-
- Công ty Cổ phần Việt - Pháp SX Thức ăn gia súc		645,695,147,683
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vĩnh An	887,858,426	1,190,568,370
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi bò và Chế Biến Sữa Đồng Nai	9,000,000,000	-
- Công ty TNHH Nông nghiệp Đồng Nai- VinEco	90,000,000,000	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Siêu thị Co.op mart Biên Hòa	18,623,131,321	17,598,200,721
- Công ty TNHH Anh Nhật Ánh Dương	545,000,000	
- Công ty TNHH Hòa Bình Minh	1,912,783,347	1,912,810,046
Đầu tư dài hạn khác	120,295,891,331	199,529,250,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(6,401,326,716)	(3,592,463,845)
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾		164,700,000,000
Đầu tư dài hạn khác		46,806,952,913
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai ⁽²⁾	4.5%	5,400,000,000
- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	10.38%	3,954,000,000
- Công ty Cổ phần Việt - Pháp SX Thức ăn gia súc	5.23%	85,815,641,331
- Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (Eximbank)		329,000,000
- Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông		126,250,000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch		25,000,000,000
- Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa		20,000,000
		120,295,891,331
		199,529,250,000

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI
Số 833A Xa lộ Hà Nội Khu phố 1 – Long Bình Tân – Biên Hòa – Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Thuế

Khoản mục	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	26,641,775,193	322,519,947,139	318,587,733,075	30,573,989,257
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(662,705,371)	21,320,616,622	20,657,911,251	-
Thuế TTĐB	83,015,384,072	942,526,501,082	1,111,570,034,957	(86,028,149,803)
Thuế xuất nhập khẩu	19,221,055,686	29,923,536,397	47,236,819,684	1,907,772,399
Thuế TNDN	3,589,274,540	219,805,609,167	282,479,214,190	(59,084,330,483)
Thuế TNCN	973,143,278	28,262,134,647	30,295,416,636	(1,060,138,711)
Thuế tài nguyên	3,531,906,221	40,007,981,217	39,383,502,497	4,156,384,941
Thuế môn bài	(8,000,000)	104,500,000	96,500,000	-
Thuế đất, tiền thuê đất	(3,599,327,635)	19,134,083,312	15,517,923,510	16,832,167
Các loại thuế khác	2,627,886,577	11,847,692,875	11,297,052,869	3,178,526,583
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	103,209,172,088	430,228,282,993	277,964,158,860	255,473,296,221
Cộng	238,539,564,649	2,065,680,885,451	2,155,086,267,529	149,134,182,571 (*)

Phải nộp

Khoản mục	Số tiền
Thuế GTGT hàng bán nội địa	30,590,465,508
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-
Thuế TTĐB	335,661
Thuế xuất nhập khẩu	1,907,772,399
Thuế TNDN	10,734,472,456
Thuế TNCN	6,340,817,530
Thuế tài nguyên	4,156,384,941
Thuế đất, tiền thuê đất	332,593,287
Các loại thuế khác	3,178,526,583
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	255,473,296,221
Cộng	312,714,664,586

Phải thu

Khoản mục	Số tiền
Thuế GTGT hàng bán nội địa	16,476,251
Thuế TTĐB	86,028,485,464
Thuế TNDN	69,818,802,939
Thuế TNCN	7,400,956,241
Thuế đất, tiền thuê đất	315,761,120
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-
Cộng	163,580,482,015

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI
Số 833A Xa lộ Hà Nội Khu phố 1 – Long Bình Tân – Biên Hòa – Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay & nợ ngắn hạn	1,816,722,363,221 (1)	2,583,756,885,158
Cộng	1,816,722,363,221	2,583,756,885,158
<i>(1) Chi tiết như sau:</i>		
Công ty Mẹ	1,520,450,046,585	
Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai	65,057,215,145	
Công ty CP xây dựng & sản xuất VLXD BH	31,545,831,496	
Công ty TNHH 1TV Đầu tư phát triển Bửu Long	2,000,000,000	
Công ty CP Bao bì Biên Hòa	174,703,460,565	
Công ty CP VLXD & chất đốt Đồng Nai	9,000,000,000	
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	3,510,000,000	
Công ty TNHH MTV Thọ Vực	564,683,354	
Công ty CP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai	9,891,126,076	

11. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho người bán	379,817,196,875	310,702,213,183
Cộng	379,817,196,875	310,702,213,183
<i>(1) Chi tiết theo từng đơn vị như sau:</i>		
Công ty Mẹ	147,531,259,741	
Công ty TNHH 1TV Vật tư nông nghiệp Đồng Nai	631,505,843	
Công ty CP xây dựng & sản xuất VLXD BH	37,399,594,673	
Công ty TNHH 1TV Thọ Vực	40,009,600	
Công ty CP Bao bì Biên Hòa	162,872,517,141	
Công ty CP chăn nuôi Phú Sơn	5,849,554,492	
Công ty CP Nông sản Đồng Nai	3,095,412,464	
Công ty CP Du Lịch Đồng Nai	2,267,429,991	
Công ty CP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai	1,003,948,262	
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	(24,343,271)	
Công ty CP VLXD & chất đốt Đồng Nai	539,946,734	
Công ty CP Lothamilk	8,547,329,351	
Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai	7,733,022,079	
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long	2,330,009,775	

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Số 833A Xa lộ Hà Nội Khu phố 1 – Long Bình Tân – Biên Hòa – Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Vốn chủ sở hữu	4,344,665,716,193	3,808,456,850,946
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2,544,825,684,147	2,202,005,184,164
2. Thặng dư vốn cổ phần	43,664,071,318	310,229,524
3. Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	40,178,259,045	44,281,954,782
5. Cổ phiếu quỹ	(551,056,243)	(574,643,829)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	608,047,535,745	311,026,840,798
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	176,772,262,270	14,335,983,171
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	319,997,532,440	772,694,290,679
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	611,731,427,472	464,377,011,657

13. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6,880,756,895,063	6,991,607,893,351
Các khoản giảm trừ doanh thu	2,134,238,611	2,333,537,328
Doanh thu thuần	6,878,622,656,452	6,989,274,356,023

14. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	5,564,595,137,495	5,811,611,369,065
Cộng	5,564,595,137,495	5,811,611,369,065

15. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	183,845,177,001	170,382,099,392
Cổ tức, lợi nhuận được chia	87,060,509,512	134,579,654,498
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	193,073,656	2,757,141,433
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6,069,972,780	3,792,024,953
Khác	778,770,701,855	1,194,651,627
Cộng	1,055,939,434,804	315,635,071,903

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI
 Số 833A Xa lộ Hà Nội Khu phố 1 – Long Bình Tân – Biên Hòa – Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	152,629,651,488	143,392,421,842
Lỗ chênh lệch tỉ giá	106,071,464,301	10,040,567,576
Khác	(31,488,682,325)	4,748,926,485
Cộng	<u>227,212,433,464</u>	<u>158,181,915,903</u>

17. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập nhượng bán TSCĐ	6,279,900,682	10,800,024,277
Thu nhập khác	82,282,293,089	53,205,216,627
Cộng	<u>88,562,193,771</u>	<u>64,005,240,904</u>

18. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý TSCĐ	1,985,948,103	4,487,244,118
Chi phí khác	13,214,334,266	23,097,987,302
Cộng	<u>15,200,282,369</u>	<u>27,585,231,420</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Nghiệp vụ giữa Tổng Công ty với các công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Nghiệp vụ giữa Tổng Công ty với các công ty con và công ty liên kết được công bố trong báo cáo tài chính riêng của từng công ty.

2. Thông tin khác

- Báo cáo tài chính hợp nhất chưa loại trừ ảnh hưởng của việc các công ty trong Tổng công ty áp dụng chính sách kế toán khác nhau.
- Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC của bộ tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Người lập



Trương Nguyễn Ngọc Hòa

Kế toán trưởng



Trần Hữu Đức

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Hữu